Bản tin Phân tích kỹ thuật

21/08/2026

Vietcap

Vũ Minh Đức
Phó Giám đốc
duc.vu@vietcap.com.vn
+8428 3914 3588 ext.363

Lê Hải Đăng
Chuyên viên
dang.le@vietcap.com.vn
+8428 3914 3588 ext.570

Chiến lược HĐTL chỉ số VN30

Nguồn: Vietcap

Nhận định:

- 41l1G9000 đóng cửa trên đường MA20 và tại mức giá cao nhất phiên, hợp đồng có tín hiệu tăng và đà tăng áp đảo. (M5)
- Khuyến nghị mở vị thế mua quanh 1.932 điểm, mục tiêu tại 1.952 điểm và dừng lỗ nếu xuất hiện nến đóng cửa dưới ngưỡng 1.925 điểm.

Chiến lược:

- Mua (B): 1.932 điểm
- Mục tiêu (TP): 1.952 điểm
- Dừng lỗ (SL): 1.925 điểm

Quan điểm kỹ thuật

	Ngắn hạn	Trung hạn
VN-Index	Tích cực	Tiêu cực
VN30	Tích cực	Tiêu cực
VNMid	Tích cực	Tiêu cực
VNSmall	Tích cực	Tiêu cực
HNX	Tích cực	Trung tính

Nguồn: Vietcap

- VN-Index bứt phá mạnh về điểm số, thanh khoản và độ rộng thị trường, ghi nhận 264 mã tăng so với 74 mã điều chỉnh. Diễn biến này cho thấy lực cầu được kích hoạt trên diện rộng, nổi bật tại hầu hết các nhóm ngành như Chứng khoán, Bất động sản, Ngân hàng, Vật liệu, Bán lẻ, Tiêu dùng, Công nghiệp và Công nghệ. Đáng chú ý, khi chỉ số tiếp cận vùng kháng cự 1.750 điểm, áp lực bán không chi phối; ngược lại, nhịp tăng còn được hỗ trợ bởi lực cầu chủ động quanh vùng giá cao.

- Về mặt kỹ thuật, VN-Index đóng cửa vượt vùng 1.750 điểm, qua đó xác nhận tín hiệu ngắn hạn đảo chiều từ điều chỉnh sang tăng giá. Tín hiệu này mở ra khả năng chỉ số tiếp tục hướng lên các vùng mục tiêu gần phía trên tại 1.780–1.790 điểm trong các phiên tới. Vùng 1.750 điểm sẽ đóng vai trò hỗ trợ gần cho nhịp tăng hiện tại.

- Đánh giá tổng quan, lực mua lan tỏa trên diện rộng đã xác nhận vùng 1.715 điểm là đáy ngắn hạn mới, cao hơn vùng đáy 1.650 điểm thiết lập ngày 28/07. Điều này cho thấy cấu trúc hồi phục đang cải thiện theo hướng đáy sau cao hơn đáy trước. Tuy nhiên, để xác nhận đầy đủ mẫu hình tăng với đỉnh sau cao hơn đỉnh trước, VN-Index cần vượt vùng đỉnh gần 1.790 điểm.

Cổ phiếu khuyến nghị theo PTKT

Nguồn: Vietcap

GAS

- GAS vận động trên đường MA200 và MA20, mang tín hiệu tăng trong trung và ngắn hạn. Hai phiên điều chỉnh gần đây diễn ra với áp lực bán thấp, thể hiện qua thanh khoản sụt giảm.
- Dựa trên tín hiệu hiện tại, GAS có khả năng vận động tăng giá. Khuyến nghị mở vị thế ngắn hạn trên GAS, với ngưỡng dừng lỗ khi cổ phiếu vi phạm mốc 78.500 đồng.

Giá mua	Giá mục tiêu	Ngưỡng dừng lỗ
82.000-83.500	98.000	78.500

Nguồn: Vietcap

SSI

- SSI tăng đồng thời về giá và thanh khoản trong phiên 21/08, đồng thời đóng cửa trên MA20 và MA50. Tín hiệu này củng cố khả năng cổ phiếu kéo dài nhịp tăng về các vùng giá cao hơn.
- Khuyến nghị mở vị thế ngắn hạn trên SSI, với ngưỡng dừng lỗ tại 19.300 đồng.

Giá mua	Giá mục tiêu	Ngưỡng dừng lỗ
20.300-20.750	23.000	19.300

Vietcap

Cổ phiếu khuyến nghị theo PTKT

Nguồn: Vietcap

FPT

- FPT phát tín hiệu hồi phục nhờ vận động trên MA20. Bên cạnh đó, cổ phiếu cũng nhận được sự hỗ trợ từ lực mua chủ động trong phiên 21/08.
- Dựa trên tín hiệu hiện tại, FPT có khả năng kéo dài nhịp hồi phục về vùng giá gần 78.000 đồng.

Giá mua	Giá mục tiêu	Ngưỡng dừng lỗ
70.500-72.000	78.000	69.000

Nguồn: Vietcap

MSN

- MSN đóng cửa trên MA20, duy trì tín hiệu tăng ngắn hạn với khả năng hướng về vùng kháng cự quanh 75.000 đồng. Đáng chú ý, cổ phiếu thu hút lực mua giá cao trong phiên 21/08.
- Khuyến nghị mở vị thế ngắn hạn trên MSN, với ngưỡng dừng lỗ tại 67.700 đồng.

Giá mua	Giá mục tiêu	Ngưỡng dừng lỗ
69.000-69.800	75.000	67.700

Bảng theo dõi những vị thế đang mở

BẢNG THEO DÕI NHỮNG VỊ THẾ ĐANG MỞ										
Mã	Ngày mở	Ngày đóng	Trạng thái	Giá hiện tại	Giá mở	Lãi/Lỗ hiện tại	Ngưỡng dừng lỗ	Giá mục tiêu	Ngưỡng dừng lỗ mới	Giá mục tiêu mới
GMD	31/07/2026		Đang mở	77,400	75,000	3.2%	72,000	85,000	75,000	
NVL	05/08/2026		Đang mở	13,350	13,450	-0.7%	12,600	15,300		
MBB	13/08/2026		Đang mở	20,850	20,300	2.7%	20,000	22,000	19,800	

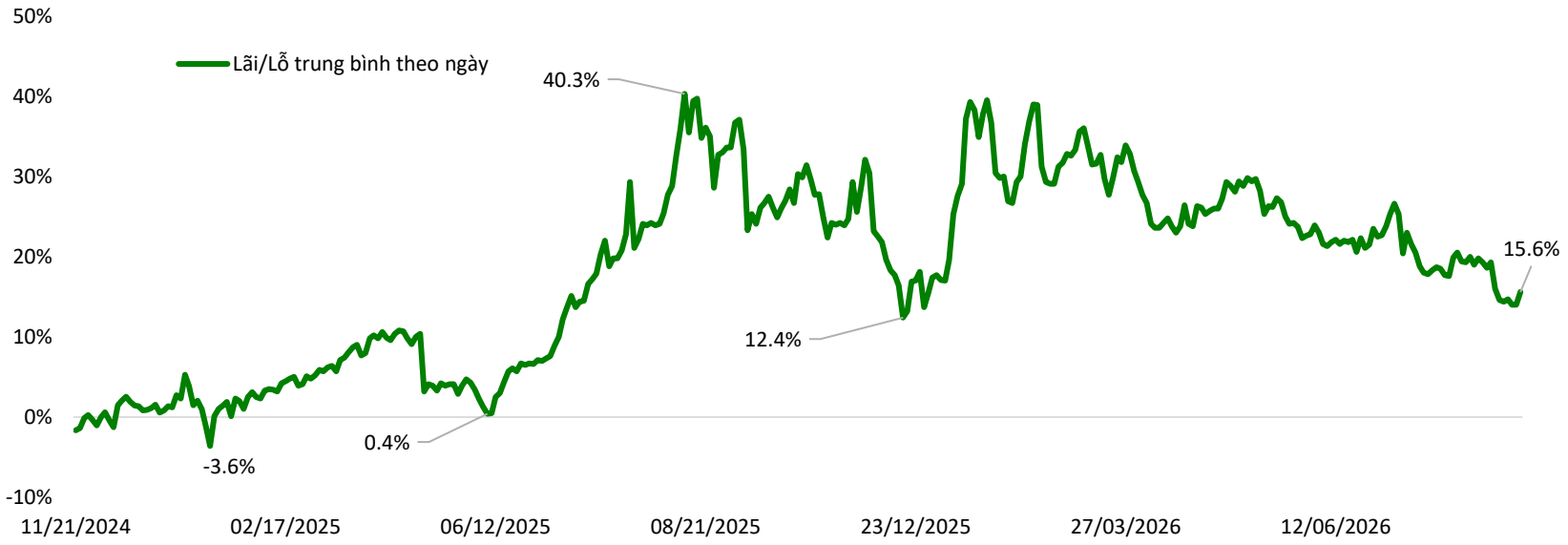

Tín hiệu kỹ thuật các cổ phiếu vốn hóa lớn trên HOSE

TOP 15 ĐÓNG GÓP VÀO CHỈ SỐ VNINDEX												
Mã	Giá	Thay đổi giá 1 ngày	Thay đổi giá 5 ngày	Vốn hóa (tỷ VND)	Thay đổi chỉ số	EPS trượt	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
VIC	205,000	1.49%	2.30%	1,591,248	4.987	2,920	9.4	70.2	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VHM	71,700	3.17%	5.13%	589,003	3.935	9,718	2.3	7.4	Tích cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VCB	59,100	2.25%	1.03%	493,820	2.344	4,984	2.0	11.9	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
BID	36,900	2.93%	3.07%	287,018	1.774	4,250	1.5	8.7	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VPB	25,700	3.21%	2.39%	203,902	1.383	3,758	1.1	6.8	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
CTG	32,150	2.39%	2.23%	249,707	1.259	5,172	1.3	6.2	Trung tính	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực
MBB	20,850	2.71%	4.25%	209,933	1.200	3,239	1.4	6.4	Tích cực	Tích cực	Trung tính	Trung tính
ACB	22,750	3.64%	2.71%	132,051	1.016	2,701	1.3	8.4	Tích cực	Trung tính	Trung tính	Trung tính
HPG	21,700	2.60%	2.12%	183,212	1.005	2,750	1.3	7.9	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
TCB	31,650	2.10%	-1.09%	224,280	0.992	3,829	1.3	8.3	Tích cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
SSI	20,750	6.96%	5.96%	62,277	0.915	1,752	1.5	11.8	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
TCX	41,000	3.80%	4.73%	113,753	0.912	2,237	2.5	18.3	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính
FPT	72,000	3.15%	5.42%	123,432	0.821	5,865	3.1	12.3	Tích cực	Trung tính	Trung tính	Tiêu cực
MWG	75,000	3.16%	3.59%	110,682	0.739	6,665	3.1	11.3	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính
VCK	30,400	4.47%	2.70%	74,022	0.698	1,916	2.4	15.9	Trung tính			

Vietcap

Tín hiệu kỹ thuật các cổ phiếu HNX và UpCom

TOP 10 ĐÓNG GÓP VÀO CHỈ SỐ HNX												
Mã	Giá	Thay đổi giá 1 ngày	Thay đổi giá 5 ngày	Vốn hóa (tỷ VND)	Thay đổi chỉ số	EPS trượt	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
MBS	18,100	7.10%	4.02%	18,117	1.024	1,828	1.5	9.9	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
SHS	15,900	8.16%	3.92%	14,301	0.929	1,119	1.1	14.2	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
NVB	12,200	2.52%	10.91%	35,681	0.716	144	2.5	84.8	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
THD	140,000	1.45%	1.45%	53,900	0.622	396	10.7	354.0	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
CEO	12,600	8.62%	5.00%	7,507	0.515	322	1.2	39.2	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
IDC	33,000	3.77%	-1.79%	13,776	0.414	5,201	2.0	6.3	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
KSF	78,500	0.51%	-0.63%	70,633	0.288	17,023	3.3	4.6	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
PTI	21,800	9.00%	-0.91%	2,629	0.188	2,212	1.0	9.9	Trung tính	Tiêu cực	Trung tính	Trung tính
PGS	63,000	-5.69%	2.94%	3,445	-0.156	2,718	3.4	25.4	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
BAB	10,700	0.94%	-0.93%	12,332	0.093	1,044	0.9	10.2	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực

TOP 10 ĐÓNG GÓP VÀO CHỈ SỐ UPCOM												
Mã	Giá	Thay đổi giá 1 ngày	Thay đổi giá 5 ngày	Vốn hóa (tỷ VND)	Thay đổi chỉ số	EPS trượt	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
MVN	68,700	6.51%	5.86%	81,357	0.100	2,296	5.2	29.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
ACV	41,500	1.47%	2.47%	147,760	0.041	3,117	2.0	13.2	Trung tính	Trung tính	Tiêu cực	Trung tính
VGI	88,000	0.80%	6.41%	265,594	0.040	4,019	7.0	21.7	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
PHP	48,500	5.66%	13.58%	15,587	0.017	3,743	2.3	12.7	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
MSR	43,500	1.16%	9.02%	47,649	0.010	2,209	3.3	19.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
FOX	64,800	0.93%	2.21%	47,610	0.008	4,936	3.7	13.1	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VUA	15,100	13.53%	-11.18%	3,020	0.008	616	1.5	24.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
RTB	25,500	-15.00%	8.05%	2,243	-0.006	5,140	1.0	5.0	Trung tính	Tích cực	Tích cực	Tích cực
PAP	30,000	-2.91%	11.11%	10,710	-0.006	-1,817	3.1	-16.5	Tích cực	Tích cực	Trung tính	Trung tính
TIN	109,400	3.21%	-8.60%	9,623	0.006	17,882	3.4	5.9	Trung tính	Tiêu cực	Trung tính	Trung tính

Cổ phiếu vượt đỉnh, phá đáy 52w, thanh khoản đột biến

VƯỢT ĐỈNH 52 TUẦN												
Mã	Giá	Thay đổi Giá	GTGD (tỷ VND)	GTGD TB 30 phiên	Giá thấp nhất 52 tuần	Giá cao nhất 52 tuần	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
PHP	48,500	5.7%	25.9	9.6	29,808	45,900	2.3	12.7	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
ABW	14,800	2.1%	8.7	5.1	10,000	14,500	1.2	5.4	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
CTF	21,150	0.7%	8.1	6.3	16,500	21,000	2.0	140.0	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
SCL	26,000	0.4%	9.1	4.1	15,438	25,900	2.1	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
V68	27,000	14.9%	8.5	7.4	17,900	23,500	0.0	0.0	Tích cực			
SBG	14,100	6.8%	12.6	2.1	9,458	13,200	1.3	15.2	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực

KLGD ĐỘT BIẾN												
Mã	Giá	Thay đổi Giá	GTGD (tỷ VND)	GTGD TB 30 phiên	Giá thấp nhất 52 tuần	Giá cao nhất 52 tuần	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
ORS	14,550	7.0%	174.0	62.6	12,200	16,600	1.2	17.7	Tích cực	Trung tính	Trung tính	Trung tính
VDS	12,400	6.9%	24.3	14.4	11,200	25,250	1.1	11.9	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
ABW	14,800	2.1%	8.7	5.1	10,000	14,500	1.2	5.4	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
BVS	27,400	5.8%	32.6	32.2	24,300	41,599	0.7	11.3	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
BSI	29,350	6.0%	22.4	14.0	26,250	51,819	1.4	15.2	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
HHS	10,450	6.6%	25.4	10.4	9,400	19,700	0.5	102.0	Trung tính	Tiêu cực	Trung tính	Tiêu cực
TCX	41,000	3.8%	148.6	68.2	35,301	52,375	2.5	18.3	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính

Tương quan đo lường mức độ tích cực của thị trường

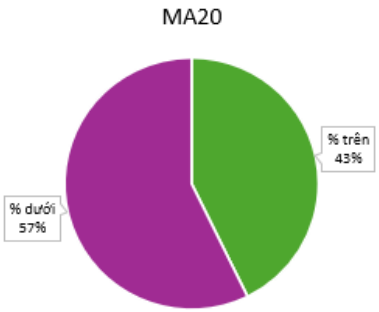

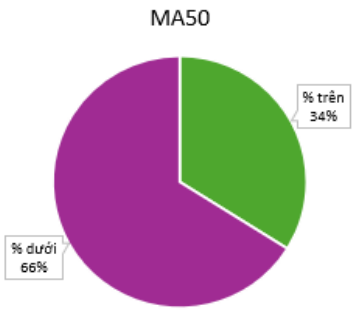

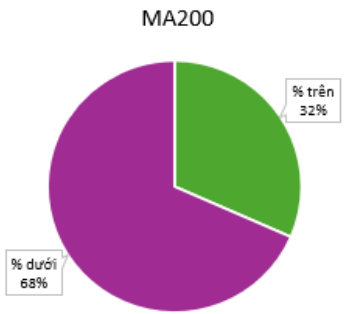

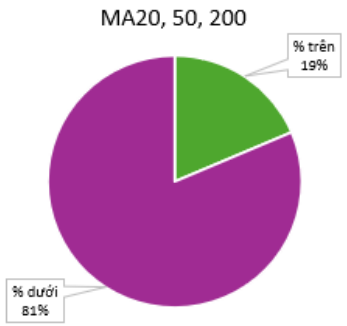

Vietcap

Tương quan đo lường mức độ tích cực của thị trường

Ngày			21/08/2026	20/08/2026	19/08/2026	18/08/2026	17/08/2026	14/08/2026	13/08/2026	12/08/2026
VNINDEX	MA200	Trên	28%	26%	25%	25%	25%	25%	25%	26%
		Dưới	72%	74%	75%	75%	75%	75%	75%	74%
	MA50	Trên	34%	29%	28%	30%	31%	31%	34%	35%
		Dưới	66%	71%	72%	70%	69%	69%	66%	65%
	MA20	Trên	58%	41%	41%	46%	52%	50%	57%	64%
		Dưới	42%	59%	59%	54%	48%	50%	43%	36%
VN30	MA200	Trên	40%	37%	37%	37%	33%	33%	37%	37%
		Dưới	60%	63%	63%	63%	67%	67%	63%	63%
	MA50	Trên	63%	33%	30%	30%	33%	37%	43%	53%
		Dưới	37%	67%	70%	70%	67%	63%	57%	47%
	MA20	Trên	83%	53%	47%	59%	60%	57%	77%	97%
		Dưới	17%	47%	53%	41%	40%	43%	23%	3%
HNX	MA200	Trên	31%	29%	28%	29%	29%	29%	29%	29%
		Dưới	69%	71%	72%	71%	71%	71%	71%	71%
	MA50	Trên	36%	34%	31%	31%	30%	30%	31%	28%
		Dưới	64%	66%	69%	69%	70%	70%	69%	72%
	MA20	Trên	31%	29%	28%	29%	29%	29%	29%	29%
		Dưới	69%	71%	72%	71%	71%	71%	71%	71%
UPCOM	MA200	Trên	35%	33%	33%	34%	35%	34%	34%	36%
		Dưới	65%	67%	67%	66%	65%	66%	66%	64%
	MA50	Trên	34%	33%	32%	32%	33%	34%	34%	35%
		Dưới	66%	67%	68%	68%	67%	66%	66%	65%
	MA20	Trên	33%	34%	33%	33%	34%	33%	33%	33%
		Dưới	67%	66%	67%	67%	66%	67%	67%	67%

Tương quan đo lường mức độ tích cực của ngành

Ngành 16		Tháng 8										Tháng 7										
		21 ↓	20	19	18	17	14	13	12	11	10	07	06	05	04	03	31	30	29	28	27
!	1 Bán lẻ	78	74	72	72	74	71	73	71	71	68	59	60	61	56	50	42	35	29	24	24
↗	2 Tài nguyên Cơ bản	67	64	66	65	61	62	61	64	65	66	64	64	62	61	58	54	51	48	45	45
	3 Hàng & Dịch vụ Côn...	62	56	57	58	52	49	51	53	52	48	39	36	36	35	32	29	29	24	22	23
↘	4 Điện, nước & xăng d...	57	55	56	55	53	52	57	59	62	61	52	50	50	52	49	37	36	36	36	36
	5 Thực phẩm và đồ uố...	54	50	49	49	48	48	48	47	46	46	43	42	45	47	44	42	41	36	33	31
	6 Ô tô và phụ tùng	53	49	52	51	55	55	56	56	57	61	58	60	60	57	57	56	54	54	52	51
↘	7 Ngân hàng	52	43	42	44	42	44	49	52	52	51	44	44	47	46	40	35	33	32	32	33
	8 Hóa chất	52	44	43	44	41	41	44	46	47	47	41	34	36	36	31	30	28	24	24	24
	9 Dịch vụ tài chính	51	30	30	32	31	31	35	37	38	36	31	33	37	35	31	34	30	28	25	30
	10 Truyền thông	51	51	51	54	54	37	61	64	64	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
	11 Dầu khí	49	41	39	36	29	30	38	44	40	42	39	31	31	33	30	31	30	29	28	31
	12 Xây dựng và Vật liệu	49	42	45	47	44	42	42	41	39	39	36	37	39	39	33	31	28	27	28	27
	13 Hàng cá nhân & Gia ...	49	42	42	41	42	39	34	33	35	31	24	25	26	28	27	23	21	17	16	16
	14 Bất động sản	42	28	30	33	29	28	30	33	32	32	31	33	34	32	29	27	26	22	20	21
↘	15 Công nghệ Thông tin	41	28	26	30	28	27	30	44	46	46	40	44	46	42	30	23	20	18	17	16
↘	16 Du lịch và Giải trí	37	36	35	36	35	35	37	39	39	39	37	41	38	37	30	26	24	22	22	23

Vietcap

Top các cổ phiếu có tín hiệu kỹ thuật Tích cực

Mã	Giá	Tăng giảm 1 phiên	Tăng giảm 5 phiên	Vốn hóa (tỷ đồng)	PB	PE	EPS	KLGD (tỷ đồng)	Xu hướng	Sum	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
MBB	20,850	2.7%	4.3%	209,933	1.4	6.4	3,239	321.9	Tích cực	9.5	Tích cực	Trung tính	Trung tính
GAS	83,500	0.0%	9.9%	201,481	2.9	15.9	5,269	112.6	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
STB	74,700	0.3%	3.3%	140,826	2.2	45.7	1,634	146.2	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
HDB	27,300	1.7%	3.2%	136,644	1.6	7.0	3,897	361.9	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
BSR	26,850	-0.6%	5.9%	134,446	1.8	6.8	3,933	238.5	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
VNM	63,800	-0.3%	3.6%	133,339	4.2	12.2	5,246	228.4	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
SAB	46,800	0.0%	3.3%	60,024	3.1	12.6	3,723	30.2	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
MSR	43,500	1.2%	9.0%	47,649	3.3	19.5	2,209	69.6	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
VEA	35,200	0.3%	1.4%	46,693	2.0	6.0	5,816	9.1	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
SBT	23,800	0.0%	2.1%	21,573	1.9	26.0	915	38.7	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
VPI	65,000	2.4%	6.9%	20,803	3.9	52.0	1,250	122.1	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
PHP	48,500	5.7%	13.6%	15,587	2.3	12.7	3,743	25.9	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
BAF	32,500	0.9%	3.2%	11,857	2.7	125.4	259	126.5	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
PVT	20,450	0.5%	2.5%	10,571	1.1	7.5	2,711	118.4	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
DSE	23,100	3.1%	4.8%	9,893	1.8	36.6	631	26.2	Tích cực	9.5	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực
CTR	77,000	0.3%	1.3%	9,864	4.4	15.1	5,109	24.6	Tích cực	9.5	Tích cực	Trung tính	Tích cực
DGW	43,000	0.7%	3.4%	9,510	2.6	11.4	3,785	53.1	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Trung tính
KLB	12,550	1.2%	2.9%	9,400	1.0	4.6	2,750	5.1	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
TLG	52,600	1.3%	1.5%	5,077	2.0	11.0	4,779	8.6	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
ABW	14,800	2.1%	4.2%	4,434	1.2	5.4	2,705	8.7	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực

Top các cổ phiếu có tín hiệu kỹ thuật Tiêu cực

Mã	Giá	Tăng giảm 1 phiên	Tăng giảm 5 phiên	Vốn hóa (tỷ đồng)	PB	PE	EPS	KLGD (tỷ đồng)	Xu hướng	Sum	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
F88	63,400	-0.9%	-3.5%	14,640	4.9	14.5	4,365	10.8	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
HUT	12,900	0.0%	-1.5%	13,781	1.3	27.1	476	11.9	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
NTL	12,550	0.4%	-6.3%	1,531	0.9	52.9	237	11.6	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
NAB	11,600	0.4%	-0.9%	25,042	1.0	5.1	2,263	16.9	Tiêu cực	-6.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
KSF	78,500	0.5%	-0.6%	70,633	3.3	4.6	17,023	10.1	Tiêu cực	-5.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
REE	46,100	1.1%	0.4%	28,739	1.3	10.9	4,239	17.7	Tiêu cực	-5.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
KBC	27,350	0.9%	1.5%	25,757	1.0	22.3	1,227	42.1	Tiêu cực	-5.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
IDC	33,000	3.8%	-1.8%	13,776	2.0	6.3	5,201	34.6	Tiêu cực	-5.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VHC	53,000	1.0%	-2.6%	11,101	1.2	8.2	6,457	20.4	Tiêu cực	-5.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính
PAN	19,950	2.3%	-0.7%	5,001	0.9	4.1	4,873	6.4	Tiêu cực	-5.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VC3	25,100	0.8%	-1.2%	3,474	2.2	48.5	518	32.7	Tiêu cực	-5.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
ELC	14,950	0.7%	-0.3%	1,645	1.2	12.4	1,210	5.2	Tiêu cực	-5.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
CTI	17,100	1.2%	-1.3%	1,185	0.7	7.8	2,199	5.5	Tiêu cực	-5.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
APS	6,000	5.3%	-1.6%	498	0.6	21.3	282	5.4	Tiêu cực	-5.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VJC	124,500	0.9%	1.1%	95,752	3.6	44.0	2,830	168.5	Tiêu cực	-3.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
EIB	17,400	3.0%	1.5%	32,411	1.2	65.9	264	96.3	Tiêu cực	-3.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
PC1	20,600	2.5%	0.5%	8,472	1.3	7.2	2,861	40.1	Tiêu cực	-3.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
BVB	12,200	2.5%	0.8%	7,818	1.0	10.0	1,216	8.0	Tiêu cực	-3.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
KOS	34,950	0.0%	0.0%	7,566	3.2	282.1	124	12.4	Tiêu cực	-3.5	Tiêu cực	Trung tính	Trung tính
IJC	7,290	1.5%	-1.9%	4,590	0.6	6.1	1,193	21.1	Tiêu cực	-3.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực

Top các cổ phiếu theo dõi có upside dài hạn lớn

Mã	Giá	Thay đổi giá 1 ngày	Thay đổi giá 5 ngày	Giá mục tiêu	% Upside	EPS trượt	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
STK	8,210	-1.20%	-1.44%	25,500	206.9%	(337)	0.8	-24.4	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính	Trung tính
KDH	18,000	4.96%	1.69%	42,600	148.4%	1,565	1.1	11.5	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
NLG	24,000	2.35%	5.26%	45,800	95.3%	1,407	0.9	17.1	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
MWG	75,000	3.16%	3.59%	140,000	92.6%	6,665	3.1	11.3	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính
HDC	12,150	4.74%	2.53%	21,400	84.5%	2,909	1.0	4.2	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
HDG	16,350	3.81%	0.93%	28,700	82.2%	1,803	1.0	9.1	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
BMI	13,600	1.49%	1.87%	23,100	72.4%	1,983	0.7	6.9	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
DPG	30,000	3.45%	-1.64%	48,900	68.6%	3,441	1.2	8.7	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
HPG	21,700	2.60%	2.12%	35,400	67.4%	2,750	1.3	7.9	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
GEX	26,250	6.92%	6.49%	40,500	65.0%	1,048	1.7	25.0	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VGC	41,100	1.36%	1.99%	66,800	64.7%	3,174	2.2	13.0	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Trung tính
DCM	31,400	0.32%	2.95%	51,000	62.9%	4,945	1.5	6.4	Trung tính	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực
PTB	32,000	0.00%	-3.61%	52,000	62.5%	5,856	0.9	5.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
IDC	33,000	3.77%	-1.79%	51,200	61.0%	5,201	2.0	6.3	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
CTG	32,150	2.39%	2.23%	50,000	59.2%	5,172	1.3	6.2	Trung tính	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực
PVS	37,000	0.00%	7.25%	58,800	58.9%	4,118	1.2	9.0	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
PLC	20,300	1.00%	0.00%	31,900	58.7%	1,738	1.2	11.7	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
DXG	11,550	6.45%	0.43%	17,000	56.7%	157	1.0	73.7	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
MBB	20,850	2.71%	4.25%	31,300	54.2%	3,239	1.4	6.4	Tích cực	Tích cực	Trung tính	Trung tính
F88	63,400	-0.94%	-3.50%	98,000	53.1%	4,365	4.9	14.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực

Khuyến cáo

Chúng tôi xác nhận rằng những quan điểm được trình bày trong báo cáo này phản ánh đúng quan điểm cá nhân của chúng tôi về công ty này. Chúng tôi cũng xác nhận rằng không có phần thù lao nào của chúng tôi đã, đang, hoặc sẽ trực tiếp hay gián tiếp có liên quan đến các khuyến nghị hay quan điểm thể hiện trong báo cáo này. Các chuyên viên phân tích nghiên cứu phụ trách các báo cáo này nhận được thù lao dựa trên nhiều yếu tố khác nhau, bao gồm chất lượng, tính chính xác của nghiên cứu, và doanh thu của công ty, trong đó bao gồm doanh thu từ các đơn vị kinh doanh khác như bộ phận Môi giới tổ chức, hoặc Tư vấn doanh nghiệp.

Báo cáo này được viết và phát hành bởi Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap. Báo cáo này được viết dựa trên nguồn thông tin đáng tin cậy vào thời điểm công bố. Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap không chịu trách nhiệm về độ chính xác của những thông tin này. Quan điểm, dự báo và những ước lượng trong báo cáo này chỉ thể hiện ý kiến của tác giả tại thời điểm phát hành. Những quan điểm này không thể hiện quan điểm chung của Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Báo cáo này chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin cho các tổ chức đầu tư cũng như các nhà đầu tư cá nhân của Công ty cổ phần chứng khoán Vietcap và không mang tính chất mời chào mua hay bán bất kỳ chứng khoán nào được thảo luận trong báo cáo này. Quyết định của nhà đầu tư nên dựa vào những sự tư vấn độc lập và thích hợp với tình hình tài chính cũng như mục tiêu đầu tư riêng biệt. Báo cáo này không được phép sao chép, tái tạo, phát hành và phân phối với bất kỳ mục đích nào nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap. Xin vui lòng ghi rõ nguồn trích dẫn nếu sử dụng các thông tin trong báo cáo này.

Thông tin liên hệ

Phòng Research

Duc Vu, Associate Director
+84 28 3914 3588, ext 363
duc.vu@vietcap.com.vn

Research team
+84 28 3914 3588
research@vietcap.com.vn

Nam Hoang, Head of Research
+84 28 3914 3588, ext 124
nam.hoang@vietcap.com.vn

Brokerage and Institutional Sales & Trading

Anthony Le
Director, Brokerage & Institutional Sales & Trading
+84 28 3914 3588, ext 525
anthony.le@vietcap.com.vn

Quynh Chau
Managing Director
Brokerage
+84 28 3914 3588, ext 222
quynh.chau@vietcap.com.vn

Vietcap